TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 122/2021/HNGĐ-ST Ngày: 30-11-2021 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;
- Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn R trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, tổ chức buổi tiệc nhỏ rồi về chung sống vào năm 2007 vì trước đây chị T đã có chồng và 02 con riêng nhưng chồng chết nên không làm đám cưới. Sang năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB ngày 28-10-2008. Sau đó, vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, chị T thường xuyên bỏ nhà đi, anh hỏi thì chị T nói đi chơi và chị T thường xuyên cờ bạc (Đánh bài tứ sắc). Từ 03 năm trở lại đây, chị T đi ngày càng nhiều không quan tâm gì đến anh nữa nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay nhận thấy mục

đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13-10-2008, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành niên và lao động được.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất của cha anh, cất nay đã 02 năm, tổng số tiền cất là 250.000.000 đồng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tổng cộng 216.000.000 đồng của công ty FE Redit và ngân hàng SHB, phần này anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh R về thời điểm chung sống, kết hôn, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn anh R trình bày không đúng, sau khi về sống thì vợ chồng sống bình thường, chị có chơi bài (Tứ sắc) nhưng chơi giải trí, không phải ăn thua lớn. Cách nay 03 năm do kinh tế khó khăn nên chị đi bán vé số nhưng vẫn lo lắng cho chồng con. Bán được hai năm thì thấy thu nhập không ổn định nên chị đi Thành phố Hồ Chi Minh làm giúp việc nhà và dịch bệnh bùng phát nên khoảng 01 năm nay chị không về được, chị vẫn gửi tiền về cho con ăn học và gọi điện thoại về cho chồng con thường xuyên. Đến ngày 17-10-2021 thì chị về nhà, phát hiện có đồ đạc của người phụ nữ khác để trong nhà như sống chung nhà với anh R và chị nghe nói là cha chồng chị cùng chồng chị cho người phụ nữ đó thuê đất, người đó là vợ nhỏ của anh R. Nay chị còn thương chồng con, không muốn ly hôn nhưng nếu anh R đồng ý cho căn nhà cho con gái và cho chị 50.000.000 đồng thì chị đồng ý ký đơn ly hôn và đi nơi khác sống.

- Về con chung: Chị đồng ý sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13-10-2008, chấp nhận cho anh R phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất cha chồng, lúc trước cha chồng chị nói cho vợ chồng 1,5 công đất trong số 02 công đất mà cha chồng chị đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên, khi chị đi làm thì cha chồng và chồng chị ở nhà lấy lại đất cho vợ nhỏ anh R thuê. Nay chị vẫn ở trong căn nhà, yêu cầu sau này để lại cho con nhưng chị để hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chỉ có vay 70.000.000 đồng của bảo hiểm, đã trả được 20 lần, mỗi lần gần 3.500.000 đồng. Phần này chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị T, đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi, anh sẽ cấp dưỡng mỗi

tháng 1.500.000 đồng. Phía chị T không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, chị có nguyện vọng được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Thị T tranh chấp về ly hôn; chị T cư trú tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 28-10-2008. Mâu thuẫn vợ chồng được anh R cho là chị T trước đây thì thường xuyên đi chơi, cờ bạc rồi sau đó bỏ đi không quan tâm gì đến anh, anh có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị T không thay đổi nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị T bỏ đi mới trở về được vài tháng nhưng do không thể chung sống cùng nhau được nữa nên anh đã về nhà cha mẹ ruột ở. Phía chị T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị đi làm để nuôi con chứ không phải đi chơi như ý kiến trình bày của anh R, vợ chồng không còn chung sống cách nay đã 01 năm. Lúc chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh trở về thì phát hiện trong nhà có đồ đạc của người phụ nữ khác, anh R không thừa nhận có vợ khác nhưng những người xung quanh nói đó là vợ mới của anh R. Chính vì anh R có vợ khác, nên theo chị tình cảm giữa chị và anh R không thể hàn gắng được nữa. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh R, chị T hai bên trình bày không thống nhất, chính quyền địa phương cũng không nắm rõ. Tại phiên tòa anh R cương quyết ly hôn, phía chị T thì không đồng ý vì chị yêu cầu anh R phải tặng cho căn nhà cho con và cho chị 50.000.000 đồng để tìm nơi ở khác. Xét lý do mà chị T không đồng ý ly hôn là không thỏa đáng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, giải thích rõ cho chị T biết về quyền khởi kiện để giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung nhưng chị T không thực hiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về phần tài sản, nếu có tranh chấp các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc giải quyết bằng vụ án khác. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh R thật sự đã không còn, hai bên đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không có biện pháp gì hàn gắng. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh R đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; mâu thuẫn gia đình đã kéo dài và không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh R.

[3] Về con chung: Giữa anh R và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13-10-2008. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao con cho

chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Đồng thời, anh R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng, phía chị T đồng ý, không yêu cầu gì khác. Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh R, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn R là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn và án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn R. Cho anh Nguyễn Văn R được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Thị T.

Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13-10-2008 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn R có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền anh R đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001285 ngày 28-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực